## Câu 1: Quá trình tiến hóa của phần mềm được chia thành mấy giai đoạn:

1. **4**

## Câu 2: Phần mềm được thể hiện với các bộ phận cấu thành, đó là:.

1. **Tập lệnh, cấu trúc dữ liệu và các tài liệu lien quan.**

## Câu 3: Đâu là đặc trưng của phần mềm:

1. **Phần mềm là hệ thống logic, không phải là hệ thống vật** lý.

## Câu 4: Có mấy cách phân loại phần mềm theo lĩnh vực phục vụ:

1. **7**

## Câu 5: Có mấy vấn đề liên quan đến CNPM:

1. **7**

**Câu 6: Tập hợp các hành hộng nhằm xây dựng và phát triển phần mềm gồm**: ( sắp xếp thep thứ tự đúng):

1. **Đặc tả, phát triển, kiểm thử và mở rộng.**.

## Câu 7: Câu: “Mềm dẻo, có khả năng thích nghi cho việc phát triển tiếp” xuất hiện ở mục:

1. **Tiêu chuẩn phần mềm.**

## Câu 8: Đặc trưng thời kỳ những năm 1960 đến giữa những năm 1970:

.

1. **A và C.**

## Câu 9: Kỹ nghệ phần mềm là kỹ nghệ phát triển một hệ thống gồm các bước chủ chốt sau:

1. **Cả 3 đáp án trên**

## Câu 10: Có mấy loại thành phần của phần mềm:

1. **2**

## Câu 11: Mô hình thác nước có bao nhiêu pha?

1. **Năm pha**

## Câu 12: Có bao nhiêu dạng và phương pháp thực hiện mô hình bản mẫu?

1. **3 dạng và 2 phương pháp**

## Câu 13: Mô hình xoắn gồm những bước nào sau đây?

**A- 4 bước: Thiết lập mục tiêu – Đánh giá và giảm thiểu rủ do – Phát triển và đánh giá - Lập kế hoạch.**

## Câu 14: Mô hình RUP là:

**B- Mô hình riêng cho hướng đối tượng.**

## Câu 15: Phương pháp ứng dụng nhanh RAD:

**C- Là phương pháp luận gộp các HĐ phân tích, thiết kế, xây dựng vào một loạt vòng lặp phát triển ngắn.**

## Câu 16: Phát triển HT hình thức hóa gồm các bước

**B- Xác định yêu cầu – Đặc tả hình thức – Biến đổi hình thức – Kiểm thử tích hợp và hệ thống.**

## Câu 17: Các trạng thái chính trong mô hình hướng thành phần gồm:

**A- Phân tích thành phần sẵn có - Điều chỉnh yêu cầu - Thiết kế hệ thống với kỹ thuật tái sử dụng- Xây dựng và tích hợp hệ thống.**

## Câu 18: Ưu điểm nào không phải là của phương pháp hướng dữ liệu

**D- Chuẩn hóa tạo ra sự độc lập.**

## Câu 19: Tính chất nào sau đây không phải của phương pháp hướng đối tượng?

1. **Bao gói thông tin**

## Câu 20: Môi trường CASE gồm:

**A- Một kho chứa - Công cụ đồ họa - Phần mềm soạn thảo văn bản - Phần mềm giao diện kho chứa - Phần mềm đánh giá - Giao diện người sử dụng.**

## Câu 21: CASE có bao nhiêu loại?

**B- Ba loại**

## Câu 1. Các yêu cầu của hệ thống phần mềm thường được chia làm mấy loại ?

1. **3 loại**

## Câu 2. Đặc điểm của yêu cầu chức năng?

* 1. **Cả A và B đều đúng**

## Câu 3. Heniger đưa ra mấy yêu cầu của một tài liệu yêu cầu phần mềm?

1. **6**

## Câu 4. Phát biểu nào sau đây đúng khi nói về yêu cầu phi chức năng?

1. **Một số yêu cầu này liên quan đến quy trình xây dựng hệ thống.**

## Câu 5. Một số khó khăn khi sử dụng ngôn ngữ tự nhiên

* 1. **Cả ba đáp án A, B, C**

## Câu 6. Có mấy qui tắc, khi viết yêu cầu người sử dụng:

1. **4**

## Câu 7. "Xác định yêu cầu phi chức năng" nghĩa là?

1. Đặc tả trừu tượng các nhu cầu người dùng mà hệ thóng phải cung cấp

## Câu 8: Trong yêu cầu phi chức năng,phát biểu "yêu cầu hệ thống phát trển như tốc độ, bộ nhớ, độ tin cậy, hiệu năng, khả năng sử dụng, tính di chuyển được.."là

1. **Các yêu cầu ngoài**

## Câu 10: Phương pháp phân tích khả thi thường tập chung ở các mặt sau :

1. **Kinh tế, kỹ thuật, pháp lý, thời gian, hoạt động**

## Câu 12: Quy trình xác định yêu cầu gồm những giai đoạn chính :

1. **Nghiên cứu, phát hiện, đặc tả, thẩm định yêu cầu .**

## Câu 13: Mô hình nghiệp vụ gồm mấy phương pháp :

1. **6**

## Câu 4. Mô hình điều khiển tâp chung gồm:

* 1. **Mô hình gọi – trả lại, mô hình quản lý.**

## Câu 5. Thiết kế dữ liệu (DL) gồm có những bước nào:

* 1. **Thiết kế DL logic và thiết kế CSDL vật lí.**
  2. Sự ghép nối, tính kết dính, tính thích nghi được.

## Câu 8. Các mô hình kiến trúc là:

1. **Mô hình kiến trúc tĩnh, mô hình tiến trình động, mô hình giao diện, mô hình liên kết.**

## Câu 9. Có bao nhiêu nguyên lý thiết kế cần được vận dụng?

1. **9**

## Câu 10. Vai trò quan trọng của kiến trúc là:

* 1. **Công cụ giao tiếp, phân tích hệ thống, có thể sử dụng lại.**

## Câu 11. Khái niệm nào không nằm trong thiết kế:

* 1. Trừu trượng, làm mịn.
  2. Phân rã, che dấu thông tin.
  3. Trừu tượng thủ tục.
  4. Modul, thủ tục phần mềm

## Câu 12. Nhiều phương pháp thiết kế, chúng có nhiều điểm chung và được trợ giúp từ một số cách nhìn nhận. Cách nhìn nhận nào sau đây là sai?

1. Cách nhìn cấu trúc, vận động.
2. Cách nhìn quan hệ thực thể.
3. Cách nhìn luồng dữ liệu
4. Cách nhìn giai đoạn.

## Câu 13. Thiết kế hệ thống hướng chức năng gồm hai tiến trình, đó là:

1. **Thiết kế dữ liệu và thiết kế xử lý**

## Câu 14. Tiến trình thiết kế hướng đối tượng gồm mấy giai đoạn:

* 1. **6 giai đoạn**

## Câu 15. Đặc điểm nào sau đây là nhược điểm của thiết kế hệ thống hướng đối tượng?

1. **Khó bảo trì, mọi thay đổi của đối tượng làm ảnh hưởng đến các đối tượng khác**

## Câu 16. Phần mềm thời gian thực gồm mấy thành phần:

1. **3 thành phần**

## câu7. Tiến trình thiết kế hệ thống thời gian thực gồm mấy bước:

1. **6 bước**

## Câu 18. Bộ điều phối thời gian thực gồm mấy mức:

* 1. **2 mức**

## Câu 19. Có bao nhiêu nguyên tắc thiết kế giao diện người và máy?

* 1. **6 nguyên tắc**

## Câu 20. Có bao nhiêu mô hình thiết kế giao diện người và máy?

1. **4 mô hình**

## Câu 21. Giao diện tương tác người – máy qua bao nhiêu thế hệ?

1. **3 thế hệ**

## Câu 22. Tiến trình thiết kế giao diện người – máy gồm bao nhiêu bước?

1. **7 bước**

## Câu 23. Đặc điểm nào sau đây là ưu điểm của thiết kế hệ thống hướng chức năng?

* 1. **Đã có thời gian phát triển lâu dài nên các phương pháp và các công cụ cũng đã hoàn thiện**

## Câu 24. Giai đoạn nào sau đây là giai đoạn của thiết kế hệ thống hướng đối tượng

1. **Sắp xếp thứ tự ưu tiên của gói**
2. **Câu 25. Chức năng của hệ thống được xem là tiêu chuẩn để đánh giá hệ thống tồi hay tốt.**
3. Đúng
4. Sai

## Câu 26. Yếu tố nào sau đây là phạm trù của hướng dẫn thiết kế giao diện?

* 1. **Cả 3 phương án trên đều đúng**

## Câu 1: Khi nói tới các phần mềm có ảnh hưởng tới sinh mạng thì chi phí của kiểm thử chiếm bao nhiêu ?

* 1. **40% tổng công sức phát triển.**

## Câu 2: Theo bạn một kiểm thử tốt thì cần những gì ?

* 1. **Tăng độ tin cậy của sản phẩm và giảm chi phí phát triển**

## Câu 3:Các lợi ích phụ của một ca kiểm thử thắng lợi là gì ?.

* 1. **Cả A,B,D đều đúng.**

## Câu 4: Kiểm thử alpha do ai thực hiện và trong môi trường nào?

* 1. **Người phát triển thực hiện, trong môi trường được quản lý.**

## Câu 5: Có bao nhiêu loại hình kiểm thử.

* 1. **4**

## Câu 6: Trong loại hình “kiểm thử chấp nhận (aceptance testing)” bao gồm hình thức kiểm thử nào sau đây.

* 1. **Kiểm thử beta.**

## Câu 7: Nội dung nào chính là phương pháp kiểm định hộp đen:

1. "Tạo mô hình hệ thống để mô phỏng ứng xử của phần mềm đối với tác động của môi trường bên ngoài".
2. “Chỉ tập trung vào các yêu cầu chức năng của phần mềm bằng cách cho nhập giá trị đầu vào và xem xét kết quả ra có muốn như mong đợi hay không?".
3. "Cho phép kiểm tra cấu trúc bên trong của phần mềm với mục đích đảm bảo rằng tất cả các câu lệnh và điều kiện sẽ được thực hiện ít nhất một lần,..".
4. "Cho phép truy nhập vào mã nguồn của chương trình để có thể kiểm tra từng câu lệnh,...".

## Câu 8: Kĩ thuật đồ thị nhân quả gồm mấy bước?

1. **4**

## Câu 9: Mục tiêu của kiểm thử hộp đen nhằm tìm ra các loại sai nào ?

* 1. **Sai về giao diện**

## Câu 10: Phương pháp kiểm thử hộp đen tập trung vào gì ?

1. **Yêu cầu chức năng của phần mềm**

## Câu 11: Có mấy yêu cầu chiến lược kiểm thử?

1. **3**

## Câu 12: Có mấy tính đặc trưng có tính khuân mẫu?3

1. **4**

## Câu 13: Có mấy hướng tích hợp chương trình?

1. 2
2. 5
3. 7
4. 4

## Câu 14. Trong tiến trình kiểm thử, Kiểm thử đơn vị do ai thực hiện

* 1. Lập trình viên .
  2. Nhóm kiểm thử độc lập
  3. Nhóm kiểm thử chuyên
  4. Người dùng

## Câu 14. Trong tiến trình kiểm thử, Kiểm thử thẩm định do ai thực hiện

1. **Người dùng .**

## Câu 15. Kiểm thử xử lý là như nào?

1. File, bộ đệm và các lệnh đóng mở

## Câu 16. Trong kiểm thử thẩm định “mong đợp hợp lý” của khách hàng được xác định bằng

* 1. **ý kiến khách hàng**

# Phần câu hỏi nối và điền từ

## Câu 11 – Nhóm 1: Nối các câu sau thành định nghĩa đúng:

|  |  |
| --- | --- |
| 1. Phần mềm hệ thống | A. Dùng để điều phối, phân tích hoặc  kiểm soát các sự kiện của thế giới thực. |
| 2. Phân mềm nghiệp vụ | B. Là tập hợp các chương trình giải quyết các bài toán điều khiển các chương trình và các thiết bị trong 1  máy tính. |
| 3. Phần mềm thời gian thực | C. Dùng để xử lý thông tin nghiệp vụ và lĩnh vực ứng dụng phần mềm  lớn nhất. |
| 4. Phần mềm máy tính cá nhân | D. Phục vụ trực tiếp cho một cá nhân  làm việc với một máy. |

1…B….. 2……C…. 3……A….. 4…D………

## Câu 5 – nhóm 3. Điền từ thích hợp “………là những yêu cầu chính thức về những gì cần phải thực hiện bởi đội phát triển hệ thống”

1. **Tài liệu đặc tả yêu cầu**

## Câu 11 – nhóm 3. Điền từ thích hợp “………..thường được sử dụng để viết đặc tả yêu cầu hệ thống cũng như yêu cầu người sử dụng”

1. **Ngôn ngữ tự nhiên**

***Điền vào chỗ trống sau:* Nhóm 4**

1. Mô hình nghiệp vụ
2. Đặc tả
3. Tiến trình phát hiện
4. Thẩm định yêu cầu

1…………….Là xét xem đặc tả yêu cầu có thật sự xác định được hệ thống mà khách hàng mong muốn hay không.

2,Ghi nhận những các nhìn khác nhau của những người liên quan và sử dụng nó vào……………. yêu cầu và tổ chức yêu cầu

.

3,Tập trung hướng vào mô tả nhiệm vụ của hệ thống thực, kết quả thu được là ………… 4,Kết quả của việc phân tích và mô hình hóa cho ta ngay ………của hệ thống.

## Câu 13 – nhóm 6: “Hệ thống thời gian thực là hệ thống mà sự hoạt động đúng đắn của nó phụ thuộc vào …………………………”

1. **Kết quả được tạo ra và thời gian kết quả được xuất ra**

## Điền từ vào chỗ trống – nhóm 8.

### Một chiến lược kiểm thử phần mềm là ……………….. các kỹ thuật thiết kế ca kiểm thử tạo thành một kế hoạch gồm dãy các bước để hướng dẫn quá trình kiểm thử phần mềm thành công

* 1. **Sự tích hợp**

### Kiểm thử so sánh còn được gọi là ……………………….

* 1. **Kiểm thử dựa vào nhau**